

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HS-ST

Ngày: 08-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Ngọc Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ân
2. Ông Nguyễn Hoàng Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thuý Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Hoàng Phận – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Phan Văn T, tên gọi khác: Không, sinh ngày 06 tháng 5 năm 1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh. ĐKTT: Số 67 đường T, phường 8, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị Tuyết M; bản thân có vợ tên Kiều Ngọc T, có 01 con sinh năm 2018; tiền án: Ngày 27-12-2014, bị TAND quận T, Tp.HCM xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Giao cấu với trẻ em”, chấp hành án xong ngày 28-02-2017, chưa được xóa án tích, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 02-12-2011, bị Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, đã xóa án tích; bị bắt tạm giữ ngày 16-9-2017, tạm giam ngày 19-9-2017 cho đến nay, có mặt.

2. Nguyễn Tấn T, tên gọi khác: An, sinh ngày 12 tháng 01 năm 1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh. ĐKTT: Không có nơi đăng ký thường trú. Đăng ký tạm trú: Ấp 1B, xã T, huyện B, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn Q (chết) và bà Thái Thị N (chết); bản thân chưa có vợ, tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 30-3-2012, bị Tòa án

nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, đã xóa án tích; bị bắt tạm giữ ngày 16-9-2017, tạm giam ngày 19-9-2017 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại:

1. Võ Thị Kim Y, sinh năm 1979

ĐKTT: Ấp 1A, xã T, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt).

2. Đào Đức K, sinh năm 1992

ĐKTT: Thông Đông Xá, xã Lương Bằng, huyện Kim Đông, tỉnh Hưng Yên.

Tạm trú: Ấp 6, xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, tỉnh Long An (vắng mặt).

3. Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1986

ĐKTT: Ấp Trường Cửu, xã Trường Hòa, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: Ấp 2, xã Tân Bửu, huyện Bến Lức, tỉnh Long An (vắng mặt).

- Nguyên đơn dân sự: Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Chất Lượng Cao S

Địa chỉ trụ sở: Số 2E/3 đường H, phường H, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện Công ty: Ông Văn Vũ C – Phó giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Võ Thanh T, sinh năm 1990

ĐKTT: Ấp 8, xã L, huyện B, tỉnh Long An (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Lê Cao S, sinh năm 1989

ĐKTT: Thôn T, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Tạm trú: Số 70 đường A, phường P, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1984

ĐKTT: Số 63/8 đường L, khu phố A, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Ấp 1B, xã T, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt).

3. Nguyễn Văn B, sinh năm 1975

ĐKTT: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

4. Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1973

ĐKTT: Số 67 đường T, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

5. Nguyễn Thị L, sinh năm 1969

ĐKTT: Số 84/48/11 đường B, khu phố A, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

6. Ngô L, sinh năm 1964

ĐKTT: T7 ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

7. Nguyễn Minh N, sinh năm 1993

ĐKTT: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Ấp 1B, xã T, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt).

8. Đoàn Sắc Đồng T, sinh năm 1995

ĐKTT: Ấp 9B, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Ấp 1B, xã T, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt).

9. Lê Văn C, sinh năm 1965

ĐKTT: Thôn T, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Huỳnh Văn Ng, sinh năm 1970

ĐKTT: Ấp 1B, xã T, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt).

2. Huỳnh Tấn H, sinh năm 1977

ĐKTT: Ấp 1B, xã T, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt).

3. Huỳnh Văn T, sinh năm 1983

ĐKTT: Ấp 1B, xã T, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 20 phút, ngày 15-9-2017, Phan Văn T điều khiển xe mô tô loại Dream (không biển kiểm soát) mượn của Nguyễn Hoàng T. Phan Văn T rủ Nguyễn Tấn T đi trộm tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, Nguyễn Tấn T đồng ý. Phan Văn T chở Nguyễn Tấn T ngồi sau đi trên đường liên xã M - T để tìm tài sản lấy trộm. Khi đi trên đường Nguyễn Tấn T phát hiện bên phải đường có nhà anh Huỳnh Văn T, ấp 1B, xã T, huyện B, tỉnh Long An không có khóa cổng, phía trước dựng xe mô tô loại Wave RS biển số 54N6-1365 của chị Nguyễn Thị Kim Y không người trông coi. Nguyễn Tấn T kêu Phan Văn T quay lại để lấy trộm xe, Phan Văn T liền quay xe lại đến trước cổng rào bên kia đường, tắt máy. Phan Văn T ngồi trên xe cảnh giới, Nguyễn Tấn T đi bộ vào trong sân nhà dẫn xe mô tô biển số 54N6-1365 ra khỏi cổng rào, rồi ngồi lên xe dùng chân đẩy đến chỗ Phan Văn T chờ, đạp Phan Văn T nổ máy xe dùng chân đẩy xe Nguyễn Tấn T vừa lấy trộm được chạy đi. Lúc này anh Huỳnh Văn T và

chị Nguyễn Thị Kim Y phát hiện, truy hô chạy theo thì Phan Văn T và Nguyễn Tấn T bị ngã xe nên bỏ xe chạy bộ, anh Huỳnh Văn T cùng anh Huỳnh Văn N và anh Huỳnh Tấn H chạy theo bắt giữ Phan Văn T và Nguyễn Tấn T cùng 02 xe mô tô giao Công an xử lý.

Qua điều tra, Phan Văn T và Nguyễn Tấn T còn khai nhận Phan Văn T rủ Nguyễn Tấn T cùng trộm cắp tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 23 giờ 00 phút, ngày 07-9-2017, Nguyễn Tấn T một mình đi bộ đến Công ty TNHH San Hà tại ấp 1B, xã T, huyện B, tỉnh Long An. Nguyễn Tấn T lợi dụng sơ hở của anh Nguyễn Minh N nhân viên Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Chất lượng cao S đang trực bảo vệ tại Công ty TNHH S1, Nguyễn Tấn T vào bãi giữ xe của Công ty lấy trộm xe mô tô nhả hiệu Honda biển số 49N9-1870 của anh Lê Cao S đem ra ngoài, sau đó chạy xe trộm được của đến huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh bán cho một thanh niên (không rõ họ tên và địa chỉ) được 3.000.000 đồng. Nguyễn Tấn T cho Nguyễn Hoàng T mượn 1.500.000 đồng, còn lại Nguyễn Tấn T tiêu xà cá nhân hết. Nguyễn Hoàng T không biết tiền mượn của Nguyễn Tấn T là tiền do Phan Văn T trộm xe bán mà có.

Vụ thứ hai: Khoảng 13 giờ ngày 13-9-2017, Nguyễn Tấn T điều khiển xe mô tô loại Dream (không biển kiểm soát) mượn của Nguyễn Hoàng T chở Phan Văn T đi trên đường công vụ cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương. Khi đi ngang qua nhà anh Đào Đức K thuộc ấp 6, xã M, huyện B thì cả hai phát hiện xe mô tô loại AURIC biển số 84H8-2114 của anh Đào Đức K dựng trước sân, không người trông coi, Nguyễn Tấn T dừng xe đợi bên ngoài cánh giới, Phan Văn T đi vào lấy xe nhưng không được do có người, Phan Văn T sợ phát hiện nên đi ra chỗ Nguyễn Tấn T, Nguyễn Tấn T tiếp tục đi vào và dẫn xe mô tô biển số 84H8-2114 ra ngoài, Phan Văn T dùng đoản kiếm theo bẻ khóa rồi điều khiển xe chạy đi. Sau khi lấy được xe biển số 84H8-2114, Phan Văn T sử dụng làm phương tiện đi lại và đưa cho Tung 500.000 đồng tiêu xài. Đến khoảng 12 giờ ngày 15-9-2017, Phan Văn T nhờ Nguyễn Hoàng T bán xe mô tô biển số 84H8-2114, Nguyễn Hoàng T đồng ý và bán xe cho một người (không rõ họ tên, địa chỉ) được 1.200.000 đồng. Số tiền này Nguyễn Hoàng T lấy 700.000 đồng để trả nợ cho Phan Văn T vì trước đó Phan Văn T nhờ Nguyễn Hoàng T mượn dùm, còn lại Nguyễn Hoàng T tiêu xài cá nhân. Nguyễn Hoàng T không biết xe do Phan Văn T trộm cắp mà có.

Vụ thứ ba: Khoảng 02 giờ 00 phút, ngày 15/9/2017, Phan Văn T sử dụng xe mô tô (không biển kiểm soát) của anh Nguyễn Hoàng T chở Nguyễn Tấn T chạy trên đường thuộc ấp 2, xã T, huyện Bến Lức. Khi chạy ngang qua lán trại của công trình đang xây dựng, Phan Văn T và Nguyễn Tấn T phát hiện 01 xe mô tô loại Wave biển số 70P2-5410 của anh Nguyễn Hoàng G đang dựng trước lán trại, không người trông giữ, Phan Văn T dừng xe lại, Nguyễn Tấn T lén lút đi vào dẫn xe của anh Giang ra ngoài sau đó cả hai cùng chạy về phòng trọ của Nguyễn Hoàng T tại ấp 1B, xã T, huyện B tháo ra từng bộ phận, chỉ còn lại

máy xe gắn trên sườn. Nguyễn Tấn T nói xe của bạn Nguyễn Tấn T nên nhờ Nguyễn Hoàng T làm máy “độ”, Nguyễn Hoàng T đồng ý và tháo máy ra, chưa sửa thì bị công an tạm giữ. Nguyễn Hoàng T không biết xe do Phan Văn T, Nguyễn Tấn T lấy trộm mà có.

Ngoài ra, vào đầu tháng 9-2017 và ngày 10-9-2017, Phan Văn T và Nguyễn Tấn T còn thực hiện lấy trộm 02 xe mô tô, 01 xe mô tô Yamaha Sirius màu đỏ - đen và 01 xe mô tô loại Wave, màu đỏ thuộc địa bàn huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bến Lức có Công văn số 137/CQĐT ngày 25-9-2017 chuyển thông tin tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh tiếp tục xác minh điều tra làm rõ xử lý theo thẩm quyền.

Tại biên bản định giá tài sản số 22/BB-TCKH ngày 18-9-2017 và Biên bản định giá số 30/BB-TCKH ngày 08-11-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bến Lức, kết luận:

- 01 xe mô tô hiệu Honda Wave RS, màu đỏ, đen, bạc biển số 54N6-1365, trị giá: 6.600.000đ; 01 xe mô tô biển số 70P2-5410, nhãn hiệu LINDA (Trung Quốc), màu sơn xanh, đã tháo ra từng bộ phận, trị giá: 640.000đ; 01 xe mô tô, nhãn hiệu AURIC, màu xanh-đen biển số 84H8-2114 có trị giá 1.500.000đ, 01 xe mô tô hiệu HONDA, màu đen xám, biển số 49N9-1870 trị giá 2.850.000đ. Tổng giá trị tài sản thiệt hại: 8.740.000đ.

Tại cáo trạng số 12/QĐ-KSĐT ngày 11-01-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố các bị cáo Phan Văn T, Nguyễn Tấn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trung đã bị Tòa án kết án, chưa được xóa án tích mà còn phạm tội do lỗi cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo Nguyễn Tấn T bốn lần thực hiện hành vi phạm tội, có hai lần đủ định lượng nên thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần và là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thật thà khai báo, biết ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại một phần cho chủ sở hữu, hiện hoàn cảnh gia đình các bị cáo gặp khó khăn nên xem xét giảm cho các bị cáo một phần về hình. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Riêng bị cáo Phan Văn T đã tác động gia đình khắc phục xong hậu quả nên xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Phan Văn T, Nguyễn Tấn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 53, Điều 45, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt:

Bị cáo Phan Văn T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 53, Điều 45, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Tấn T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Do hoàn cảnh gia đình các bị cáo gặp khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra bị hại chị Võ Thị Kim Y đã nhận lại xe mô tô biển số 54N6-1365, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập đến; bị hại Nguyễn Hoàng G đã nhận lại những bộ phận được tháo ra của xe mô tô biển số 70P2-5410, không yêu cầu gì thêm nên không đề cập đến; Bà Nguyễn Thị Tuyết M (mẹ ruột của Phan Văn T) thỏa thuận bồi thường trị giá xe mô tô biển số 84H8-2114 cho Đào Đức K số tiền 2.000.000đ, anh Kiên đã nhận tiền xong và không yêu cầu gì thêm nên không đề cập đến.

Riêng ông Võ Thanh T là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ chất lượng cao Sài Gòn không yêu cầu Nguyễn Tấn T bồi thường trị giá xe mô tô biển số: 49N9-1870 nên không đề cập đến.

Về vật chứng:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS biển số 54N6-1365 do Nguyễn Thị Kim Yến làm chủ sở hữu, hiện CQĐT đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp;

- Nhiều bộ phận của xe mô tô biển số 70P2-5410 do Ngô L đứng tên chủ sở hữu, Nguyễn Hoàng G mua lại của người khác, chưa sang tên, hiện CQĐT đã trả lại cho Nguyễn Hoàng G là phù hợp.

- 01 xe mô tô không biển kiểm soát, số máy: 1000422, số khung: 000422 của Nguyễn Hoàng T cho Phan Văn T mượn. Qua điều tra xác định xe này đăng ký biển kiểm soát 63V-54284 do Nguyễn Văn Bình, địa chỉ ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang đứng tên sở hữu, anh B bán lại cho người khác không biết tên, địa chỉ. Hiện xe mất giấy chứng nhận đăng ký xe, Nguyễn Hoàng T cho Phan Văn T mượn, Phan Văn T sử dụng làm phương tiện phạm tội. Xét thấy, xe không có giấy tờ, không có biển kiểm soát nên đề nghị tịch thu sung công quỹ.

- 01 thanh đoản tự chế bằng kim loại, Nguyễn Tấn T sử dụng làm công cụ phạm tội nên đề nghị áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu tiêu hủy;

(Vật chứng hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức đang tạm giữ).

Đối với hành vi trộm cắp xe mô tô của Phan Văn T và Nguyễn Tấn T vào đầu tháng 9/2017 và ngày 10/9/2017 thuộc địa bàn huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bến Lức chuyển thông tin tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ xử lý theo thẩm quyền nên không xét đến.

Đối với Nguyễn Hoàng T có hành vi chứa chấp và tháo xe mô tô biển số 70P2-5410 và hành vi tiêu thụ xe mô tô biển số 84H8-2114 và mượn tiền 1.500.000 đồng nhưng Nguyễn Hoàng T không biết tài sản do Phan Văn T và Nguyễn Tấn T phạm tội mà có nên CQĐT không xử lý hình sự là phù hợp.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Các bị cáo không tranh luận.

Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận.

Bị cáo Phan Văn T nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Tấn T nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bến Lức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và các bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản định giá tài sản, Bản ảnh hiện trường, Sơ đồ hiện trường và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa nên có đủ cơ sở khẳng định các bị cáo Phan Văn T, Nguyễn Tấn T là người đã thành niên, có đủ sức khỏe làm việc để tạo thu nhập cho bản thân nhưng với bản tính tham lam, động cơ, mục đích vụ lợi nên các bị cáo đã nảy sinh ra ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài nên Phan Văn T rủ Nguyễn Tấn T đi trộm cắp tài

sản bán lấy tiền tiêu xài, Nguyễn Tấn T đồng ý. Khoảng 13 giờ ngày 13-9-2017, Phan Văn T và Nguyễn Tấn T đã lén lút lấy trộm chiếc xe mô tô biển số 84H8-2114 trị giá 1.500.000 đồng của anh Đào Đức K tại ấp 6, xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức. Khoảng 02 giờ ngày 15-9-2017, Phan Văn T và Nguyễn Tấn T đã lén lút lấy trộm xe mô tô biển số 70P2-5410 trị giá 640.000 đồng của anh Nguyễn Hoàng G. Khoảng 19 giờ 20 phút ngày 15-9-2017, Phan Văn T và Nguyễn Tấn T tiếp tục lén lút lấy trộm xe mô tô biển số 54N6-1365 trị giá 6.600.000 đồng của chị Nguyễn Thị Kim Y tại ấp 1B, xã T, huyện B thì bị bắt quả tang. Tổng giá trị tài sản Phan Văn T và Tung chiếm đoạt của anh Kiên, anh G và chị Y là 8.740.000 đồng. Ngoài ra, ngày 07-9-2017, Nguyễn Tấn T còn lén lút lấy trộm xe mô tô còn lén lút lấy trộm xe mô tô biển số 49N9-1870 trị giá 2.850.000 đồng của anh Lê Cao S tại Công ty S1, ấp 1B, xã T, huyện B, tỉnh Long An đã đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Xét thấy, hai bị cáo không có bản bạc, phân công, phân nhiệm cụ thể, không có cấu kết chặt chẽ với nhau nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn do đó Viện kiểm sát truy tố hai bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu, các bị cáo xác định cáo trạng truy tố các bị cáo là không oan sai, các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

[4] Hành vi trái pháp luật của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, với bản tính tham lam, động cơ, mục đích vụ lợi, muốn có tiền để tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động của mình làm ra nên bị cáo nảy sinh ra ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài nhằm phục vụ thỏa mãn nhu cầu của bản thân.

[5] Hành vi của các bị cáo thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo cũng thừa biết tài sản của người khác là do công sức lao động làm ra được pháp luật bảo vệ và bất khả xâm phạm khi nên chưa có sự đồng ý của chủ sở hữu. Các bị cáo cũng nhận biết việc lén lút lấy trộm tài sản của chị Võ Thị Kim Y, anh Lê Cao S, anh Đào Đức K, anh Nguyễn Hoàng G là vi phạm pháp luật nhưng vì bản tính tham lam nên các bị cáo bất chấp, hơn nữa bị cáo Phan Văn T đã bị Tòa án kết án mà không biết từ bỏ lại tiếp tục dấn thân vào con đường phạm tội, chứng tỏ các bị cáo đã xem thường pháp luật. Hành vi của các bị cáo gây mất trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân bất bình, hoang mang, lo sợ. Do đó cần phải xử lý các bị cáo bằng một hình phạt thỏa đáng mới có thể giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Tuy nhiên, cần xem xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phan Văn T đã bị Tòa án kết án, chưa được xóa án tích mà còn phạm tội do lỗi cố ý nên thuộc trường

hợp tái phạm được quy định tại khoản 1 Điều 49 Bộ luật hình sự năm 1999 là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo Nguyễn Tấn T bốn lần thực hiện hành vi phạm tội, trong đó có hai lần đủ định lượng nên thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần và là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thật thà khai báo, biết ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại một phần cho chủ sở hữu, hiện hoàn cảnh gia đình các bị cáo gặp khó khăn nên xem xét giảm cho các bị cáo một phần về hình phạt. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Riêng bị cáo Phan Văn T đã tác động gia đình khắc phục nên xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

[7] Tuy nhiên, phải xem xét vai trò, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội cũng như nhân thân của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp.

Bị cáo Phan Văn T là người khởi xướng, rủ rê và là người thực hành.

Bị cáo Nguyễn Tấn T là người thực hành và giúp sức tích cực.

Cũng cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[8] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”, do đó, bị cáo Phan Văn T, Nguyễn Tấn T có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi sự việc xảy ra bị hại chị Võ Thị Kim Y đã nhận lại xe mô tô biển số 54N6-1365, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập đến; bị hại Nguyễn Hoàng G đã nhận lại những bộ phận được tháo ra của xe mô tô biển số 70P2-5410, không yêu cầu gì thêm nên không đề cập đến; Bà Nguyễn Thị Tuyết M (mẹ ruột của Phan Văn T) thỏa thuận bồi thường trị giá xe mô tô biển số 84H8-2114 cho Đào Đức K số tiền 2.000.000đ, anh K đã nhận tiền xong và không yêu cầu gì thêm nên không đề cập đến.

Tại phiên tòa, ông Võ Thanh T là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Chất lượng cao S không yêu cầu Nguyễn Tấn T bồi thường trị giá xe mô tô biển số: 49N9-1870 nên không đề cập đến.

[10] Về vật chứng:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS biển số 54N6-1365 do Nguyễn Thị Kim Y làm chủ sở hữu, hiện CQĐT đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp;

- Nhiều bộ phận của xe mô tô biển số 70P2-5410 do Nguyễn Hoàng G chủ sở hữu, xe mua lại của người khác, chưa sang tên, hiện Cơ quan điều tra đã trả lại cho Nguyễn Hoàng G là phù hợp.

- 01 xe mô tô không biển kiểm soát, số máy: 1000422, số khung: 000422 của Nguyễn Hoàng T mua của người khác, chưa sang tên, Phan Văn T và Nguyễn Tấn T sử dụng làm phương tiện phạm tội, xét thấy xe không có biển kiểm soát, không có giấy chứng nhận đăng ký xe nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- 01 thanh đoản tự chế bằng kim loại, Nguyễn Tấn T sử dụng làm công cụ phạm tội nên áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu tiêu hủy;

(Vật chứng hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức đang tạm giữ).

[11] Đối với Nguyễn Hoàng T có hành vi tháo xe mô tô biển số 70P2-5410, nhãn hiệu LINDA (Trung Quốc), màu sơn xanh mặc dù biết là tài sản do Phan Văn T và Nguyễn Tấn T phạm tội mà có nhưng do giá trị tài sản thấp, không đủ định lượng cấu thành tội phạm, nên CQĐT không xử lý hình sự, chuyên xử lý hành chính là phù hợp. Riêng hành vi tiêu thụ xe mô tô 84H8-2114, Nguyễn Hoàng T không biết tài sản do Phan Văn T phạm tội mà có, nên CQĐT không xử lý hình sự là phù hợp.

Đối với vụ trộm cắp xe mô tô trên địa bàn huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, Cơ quan CSĐT có văn bản đề nghị công an huyện Bình Chánh tiếp tục xác minh xử lý theo thẩm quyền là phù hợp.

[12] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phan Văn T, Nguyễn Tấn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm b, điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 53, Điều 45, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt:

Bị cáo Phan Văn T 01 năm 06 tháng tù, thời gian tù tính từ ngày 16-9-2017.

Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 53, Điều 45, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Tấn T 01 năm 06 tháng tù, thời gian tù tính từ ngày 16-9-2017.

2. Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục tạm giam các bị cáo Phan Văn T, Nguyễn Tấn T trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày 08-02-2018 để đảm bảo thi hành án.

3. Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy 01 thanh đoản tự chế bằng kim loại.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 xe mô tô không biển kiểm soát, số máy: 1000422, số khung: 000422.

(Vật chứng hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức đang tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 04/QĐ-VKS ngày 08-01-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 10-01-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức).

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Phan Văn T, Nguyễn Tấn T mỗi người phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Bến Lức;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bến Lức;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Ngọc Thành